|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH THÁI NGUYÊN**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**Số: /TTr-SNN*(Dự thảo)* | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2020* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép**

**chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành, triển khai thực hiện nhiều chủ trương, giải pháp về phát triển nông nghiệp nói chung, trong đó có lĩnh vực chăn nuôi nói riêng, nhất là chăn nuôi trang trại, vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, chăn nuôi theo chuỗi liên kết, chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ, từng bước đã đạt được những kết quả rõ rệt cả về hiệu quả sản xuất, quy mô và chất lượng sản phẩm chăn nuôi…; đóng góp một phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội giải quyết việc làm và ổn định an ninh, chính trị của tỉnh.

Tuy nhiên, sản xuất chăn nuôi vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, chăn nuôi nông hộ còn chiếm tỷ lệ cao trên 70%. Theo số liệu thống kê 1/10/2019 trên địa bàn toàn tỉnh có 178 xã, phường, thị trấn (có 32 phường, 9 thị trấn); 359.236 hộ, trong đó có khoảng 70% số hộ sản xuất nông nghiệp, số hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm khoảng 200.000 hộ (798 cơ sở chăn nuôi trang trại; 199.202 hộ chăn nuôi nhỏ lẻ nông hộ). Tổng đàn gia súc, gia cầm khoảng 15,2 triệu con (52.084 con trâu, 43.374 con bò, 520.597 con lợn, 14,5 triệu con gia cầm).

Theo số liệu khảo sát tại khu vực các phường, thị trấn của các huyện, thành phố, thị xã có khoảng 18.000 hộ chăn nuôi, với 55.000 con gia súc, gia cầm chiếm 30% tổng đàn gia súc, gia cầm, chiếm 9% số cơ sở, hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm toàn tỉnh. Đặc biệt hiện nay có khoảng 2.000 - 3.000 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm tại các khu vực phường trung tâm của TP. Thái Nguyên, TP. Sông Công và một số khu dân cư có tỷ lệ đô thị hóa cao. Chủ yếu với hình thức chăn nuôi chăn nuôi quy mô nông hộ và trang trại vừa và nhỏ, diện tích đất đai chặt hẹp, kiện chăn nuôi không đảm bảo theo quy định, hiệu quả kinh tế không cao, gây ô nhiễm môi trường, khả năng lây lan dịch bệnh cao, có nhiều mối nguy về mất an toàn vệ sinh thực phẩm, thậm chí tại một số khu vực dân cư của TP. Thái Nguyên đã xảy ra chanh chấp về vấn đề gây ô nhiễm môi trường do chăn nuôi, phán ánh với chính quyền địa phương phải giải quyết, điều này đã ảnh hưởng đến sức khỏe con người và tác động không tốt đến sự phát triển của đô thị và mỹ quan đô thị, hiệu quả chăn nuôi trong khu đô thị thấp, kém bền vững.

Vậy để giải quyết được vấn đề trên và thực thi chính sách pháp luật thì cần phải tuyên truyền, vận động và rất cần sự quan tâm của Nhà nước thông qua các cơ chế, chính sách hỗ trợ một phần khó khăn trong sản xuất và cuộc sống của người chăn nuôi khi phải chuyển đổi nghề nghiệp hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi các khu vực này.

Thực hiện Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 tại Khoản 1, Điều 12. Quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong chăn nuôi bao gồm: *“Chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường”*;

Tại Điểm h Khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi quy định trách nhiệm của UBND tỉnh như sau: *“trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi”.*

Như vậy, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc quy định khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, nhằm quy định chi tiết điều, khoản được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật là hoàn toàn có căn cứ pháp lý và đảm bảo sự phù hợp, thống nhất của hệ thống pháp luật hiện hành.

Nghị quyết cũng phù hợp với định hướng phát triển ngành chăn nuôi bền vững, điều chỉnh quy mô chăn nuôi nhỏ lẻ sang tập trung, chuyển dịch ra khỏi nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư đến vùng nông thôn; hình thành vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh nhằm thúc đẩy tăng trưởng, từng bước xây dựng ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, đồng thời giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo môi trường sinh thái.

Thực hiện Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 14/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Chăn nuôi; Công văn số Công văn số 895/UBND-CNN ngày 23/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất UBND tỉnh xem xét trình trình Hội đồng nhân dân tỉnh *“Ban hành quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”* là rất cần thiết.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và PTNT đã thành lập đoàn công tác làm việc, phối hợp với các huyện, thành, phố, thị xã đánh giá tình hình chăn nuôi và thực tiễn sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh để xác định khu vực không được phép chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Thái Nguyên và thống nhất đề xuất chính sách hỗ trợ; hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết, đồng thời tổ chức các hội nghị xin ý kiến góp ý của các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã theo quy định trước khi trình UBND tỉnh.

**II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Quan điểm**

Quy định khu vực không được phép chăn nuôi căn cứ vào thực trạng phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, trước mắt tập các phường, thị trấn, khu dân cư có tỷ lệ đô thị hóa cao; từng bước di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, nhằm đưa ngành chăn nuôi phát triển bền vững, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, phù hợp với quy định của Luật Chăn nuôi và tình hình phát triển kinh tế xã hội thực tế của tỉnh; Đồng thời cần có các chính sách hỗ trợ để giải quyết khó khăn trong sản xuất và cuộc sống của người chăn nuôi khi chuyển đổi nghề nghiệp hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi các khu vực không được phép chăn nuôi.

**2. Mục tiêu**

Ban hành quy định khu vực các phường thuộc thành phố, thị xã, các thị trấn của các huyện, khu dân cư không được phép chăn nuôi; chính sách hỗ trợ cơ sở chăn nuôi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh để khắc phục tình trạng chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán, hiệu quả chăn nuôi thấp; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi; bảo vệ sức khỏe cộng đồng cũng như cảnh quan đô thị; chuyển hướng sang ngành nghề khác ổn định sinh kế hoặc chăn nuôi theo hướng tập trung quy mô lớn; nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh; nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh tái cơ cấu và phát triển chăn nuôi nói riêng, xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, bền vững, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của của tỉnh.

**III. QUY ĐỊNH KHU VỰC THUỘC NỘI THÀNH CỦA THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI.**

Qua rà soát, nghiên cứu và tìm hiểu thực tiễn sản xuất chăn nuôi hiện nay, các khu vực phường, thị trấn, khu dân cư còn rất ít nơi tổ chức sản xuất chăn nuôi theo quy mô tập trung, chủ yếu là chăn nuôi quy mô nhỏ lẻ, tận dụng, không đảm bảo các điều kiện về vệ sinh thú y; đất sản xuất nông nghiệp không nhiều và vấn đề môi trường trong chăn nuôi đang bị báo động, người dân bị ảnh hưởng rất rõ trong sinh hoạt và cuộc sống hàng ngày, do tác động tiêu cực của môi trường chăn nuôi, cũng như hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi ở các khu vực này thấp. Do đó, tại khu vực phường của các thành phố, thị xã, thị trấn thuộc các huyện; khu dân cư tập trung với mật độ dân số cao, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp cao, điện tích đất nông nghiệp thấp sẽ được quy định không được phép chăn nuôi, điều này chắc chắn sẽ hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường và tăng khả năng phòng chống lây lan dịch bệnh, đặc biệt là bảo vệ cảnh quan, môi trường đô thị, bảo vệ sức khỏe người dân và cộng đồng dân cư. Cụ thể:

1. Khu vực không được phép chăn nuôi các loại vật nuôi, bao gồm: Các phường, thị trấn, khu dân cư thuộc thành phố, thị xã, huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt từ 85% trở lên và tổng diện tích đất phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ từ 80% trở lên tổng diện tích đất tự nhiên.
2. Đối tượng vật nuôi không được phép chăn nuôi là các loại gia súc, gia cầm; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm và gia cầm từ 20 con trở xuống mà không gây ô nhiễm môi trường.
3. Thời hạn các cơ sở chăn nuôi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời đến địa điểm chăn nuôi phù hợp là 5 năm kể từ khi Quyết định công bố khu vực không được phép nuôi của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực thi hành.

**IV. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DI DỜI CƠ SỞ CHĂN NUÔI VÀ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ NGHIỆP KHI DỪNG HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI TRONG KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI.**

**1. Chính sách hỗ trợtháo dỡ, vận chuyển chuồng trại, trang thiết bị dụng cụ chăn nuôi**

*\* Mục tiêu:* Hỗ trợ tháo dỡ, vận chuyển chuồng trại, trang thiết bị dụng cụ chăn nuôi cho các hộ, cơ sở chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi để giảm bớt khó khăn, thiệt hại.

*\* Nội dung của chính sách:*

- Đối với chuồng trại xây gạch, nền xi măng, mái lợp ngói, tôn: Mức hỗ trợ 200.000 đồng/m2;

- Đối với chuồng trại xây gạch, nền xi măng mái lợp Fibro xi măng, giấy dầu hoặc tranh lá: Mức hỗ trợ 150.000 đồng/m2;

- Đối với các loại vật liệu rẻ tiền mau hỏng khác: Mức hỗ trợ 100.000 đồng/m2 đối với các loại vật liệu rẻ tiền mau hỏng khác.

Hỗ trợ đối với các hộ, cơ sở chăn nuôi có quy mô chăn nuôi từ 20 con lợn 10 con trâu, bò và 1.000 con gia cầm trở lên). Tổng kinh phí hỗ trợ tháo dỡ, vận chuyển chuồng trại, trang thiết bị dụng cụ chăn nuôi không quá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)/cơ sở.

*\* Giải pháp thực hiện chính sách:*

Chủ cơ sở chăn nuôi phải thực hiện kê khai chăn nuôi; có kế hoạch, phương án, dự án dừng hoạt động hoặc di dời; thực hiện đăng ký và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt.

Việc xác nhận chi phí hỗ trợ phải do các phòng ban chuyên môn cấp huyện thẩm định và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định để hỗ trợ.

**2. Chính sách hỗ trợ do mất việc làm; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động trực tiếp tại cơ sở chăn nuôi khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi**

*\* Mục tiêu:*

Hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi phải ngừng hoạt động chăn nuôi tại các khu vực không được phép chăn nuôi đã được quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh; Hỗ trợ do mất việc làm; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động trực tiếp tại cơ sở chăn nuôi khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi

*\* Nội dung của chính sách:*

- Hỗ trợ do mất việc làm; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động trực tiếp tại cơ sở chăn nuôi khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi. Số lao động được hỗ trợ theo quy mô chăn nuôi như sau:

+ Chăn nuôi nông hộ: 01 lao động/cơ sở;

+ Trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ: không quá 02 lao động/cơ sở;

+ Trang trại chăn nuôi quy mô vừa: không quá 05 lao động/cơ sở;

+ Trang trại chăn nuôi quy mô lớn: không quá 10 lao động/cơ sở.

Đồng thời được ưu tiên hỗ trợ tham gia đào tạo nghề và tuyển dụng lao động theo quy định trên địa bàn tỉnh.

- Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/01 tháng/01 lao động;

- Thời gian hỗ trợ: 03 tháng;

- Phương thức hỗ trợ: thực hiện hỗ trợ ngay sau khi cơ sở dừng hoạt động.

*\* Giải pháp thực hiện chính sách:*

- Chủ cơ sở chăn nuôi phải thực hiện kê khai chăn nuôi; có kế hoạch, phương án, dự án dừng hoạt động; thực hiện đăng ký và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt.

- Người lao động được thụ hưởng chính sách tại Nghị quyết này phải có hợp đồng lao động với chủ cơ sở hoặc có tên trong danh sách trả lương và trong sổ thanh toán lương của cơ sở, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Đối với người lao động vừa làm trực tiếp vừa là chủ cơ sở (chăn nuôi nông hộ) phải có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà không di dời hoặc tự chấm dứt sản xuất chăn nuôi sẽ không được hưởng hỗ trợ theo chính sách này và bị xử lý cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

**3. Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng mới đối với cơ sở chăn nuôi**

Các cơ sở chăn nuôi di dời từ vùng không được phép chăn nuôi sang vùng được phép chăn nuôi đảm bảo điều kiện theo quy định được hưởng theo chính sách quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, ngày 17/4/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị quyết 05/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh về quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các chính sách hỗ trợ chăn nuôi được phê duyệt của tỉnh Thái Nguyên.

**4. Nguyên tắc, điều kiện được hưởng các chính sách hỗ trợ**

*-* Các cơ sở chăn nuôi thực hiện di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi các loại vật nuôi đến vùng được phép chăn hoặc chuyển đổi nghề khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi. Cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời (hoặc tự chấm dứt sản xuất chăn nuôi) mà không thực hiện sẽ không được hưởng hỗ trợ theo chính sách này và bị xử lý cưỡng chế di dời theo quy định của pháp luật.

- Quy mô chăn nuôi hỗ trợ: Chăn nuôi trang trại nhỏ (từ 10 - dưới 30 đơn vị vật nuôi), chăn nuôi trang trại vừa (từ 30 - dưới 300 đơn vị vật nuôi), chăn nuôi trang trại lớn (từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên), chăn nuôi nông hộ (dưới 10 đơn vị vật nuôi)

- Cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết này được thụ hưởng chính sách hỗ trợ một lần quy định tại Nghị quyết này; nếu có nhiều chính sách hỗ trợ với cùng nội dung hỗ trợ thì được phép lựa chọn hưởng mức hỗ trợ có lợi nhất;

- Cơ sở chăn nuôi phát sinh sau ngày Quyết định công bố khu vực không được phép chăn nuôi có hiệu lực thì không được hưởng chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này, đồng thời phải chịu trách nhiệm theo các quy định của pháp luật.

- Người lao động được thụ hưởng chính sách tại Nghị quyết này phải có hợp đồng lao động với chủ cơ sở hoặc có tên trong danh sách trả lương và trong sổ thanh toán lương của cơ sở, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Đối với người lao động vừa làm trực tiếp vừa là chủ cơ sở (chăn nuôi nông hộ) phải có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Chủ cơ sở di dời phải hoàn chỉnh hồ sơ và có xác nhận của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn nơi cơ sở chăn nuôi phải di dời. Việc xác nhận chi phí hỗ trợ phải do các phòng ban chuyên môn cấp huyện thẩm định và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định để hỗ trợ.

- Chủ cơ sở chăn nuôi phải thực hiện kê khai chăn nuôi; có kế hoạch, phương án, dự án dừng hoạt động hoặc di dời; thực hiện đăng ký và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt.

**IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC ĐỂ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Kinh phí hỗ trợ được cân đối trong dự toán ngân sách của tỉnh hàng năm, theo cơ chế:

- Đối với các địa phương tự cân đối ngân sách: Sử dụng ngân sách địa phương.

- Đối với địa phương chưa tự cân đối được ngân sách: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% nhu cầu kinh phí thực hiện, phần còn lại do địa phương tự cân đối.

2. Kinh phí ước tính từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho công tác di dời, mất việc làm và chuyển đổi nghề nghiệp của các hộ, cơ sở chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 10 tỷ đồng, trong đó:

- Hỗ trợ việc di dời cơ sở chăn nuôi: 2 tỷ đồng.

- Hỗ trợ do mất việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp: 8 tỷ đồng.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Tăng cường truyên truyền, vận động, khuyến khích các cơ sở chăn nuôi thực hiện việc di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm phù hợp, chuyển đổi nghề nghiệp; phát triển chăn nuôi trang trại gắn với quy hoạch phát triển chăn nuôi;
2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết; căn cứ vào tiêu chí quy định khu vực không được phép chăn nuôi tại Nghị quyết, UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thành phố, thị xã công bố danh sách khu vực các phường, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn quản lý; bố trí kinh phí tổ chức thực hiện Nghị quyết.
3. Hàng năm UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức rà soát các tiêu chí phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và công bố các khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.
4. Tổ chức thực hiện công tác kê khai chăn nuôi và hỗ trợ theo quy định.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT**

Thời gian dự kiến trình UBND tỉnh tại kỳ họp tháng 8 năm 2020.

Thời gian dự kiến trình thông qua văn bản tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh thứ 12 (tháng 12/2020).

Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lãnh đạo Sở NN và PTNT;- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;- Lưu: VT, KHTC. |  **GIÁM ĐỐC****Phạm Văn Sỹ** |